

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(Không có Tài sản bảo đảm)
Số:/BOC-HĐTĐ-CN



Hôm nay, ngày tại trụ sở **BANK OF CHINA-HOCHIMINH CITY BRANCH**, chúng tôi gồm các bên như sau:

BÊN CHO VAY : **BANK OF CHINA – HOCHIMINH CITY BRANCH**
Địa chỉ : Tầng trệt và tầng 11, Tòa nhà Times Square, 22-36 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam
Giấy phép hoạt động chi nhánh : 21/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 7 năm 1995
Ngân hàng nước ngoài số
Điện thoại : Fax:
Người đại diện :
Chức vụ :
(Sau đây được gọi là “**Bên Cho Vay**”)

BÊN VAY : Ông
Chứng minh nhân dân số : cấp ngày tại
Địa chỉ thường trú :
Điện thoại :
Bà
Chứng minh nhân dân số : cấp ngày tại
Địa chỉ thường trú :
Điện thoại :
(Sau đây gọi là “**Bên Vay**”)

Bên Cho Vay, Bên Vay tùy theo ngữ cảnh được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”.

Căn cứ:

- Thông báo tín dụng số/BOC-TBTD ngày (“**Thông Báo Tín Dụng**”);
- Nội dung hoạt động theo Giấy phép hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Bank of China - Ho Chi Minh City Branch;
- Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bank of China - Ho Chi Minh City Branch;
- Đơn vay của Bên Vay và các tài liệu đính kèm (“**Đơn Vay**”); và
- Các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hoạt động cho vay tín dụng của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Hai Bên đồng ý ký hợp đồng tín dụng này (“**Hợp Đồng**”) theo các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH HỢP ĐỒNG

1.1. Định nghĩa

Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- (a) **“Bên Thụ Hưởng”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ với Bên Vay trong giao dịch thuộc Mục đích sử dụng Khoản Vay theo hợp đồng tín dụng này.
- (b) **“Điều Kiện Tiên Quyết”** là các điều kiện mà Bên Vay phải đáp ứng theo yêu cầu của Bên Cho Vay và được quy định tại Phụ lục 1 – Điều kiện tiên quyết của Hợp Đồng này.
- (c) **“Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay”** hoặc **“Giấy Nhận Nợ”** có nghĩa được quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng này.
- (d) **“Đơn Vay”** là văn bản do Bên Vay lập để đề nghị Bên Cho Vay cung cấp khoản vay theo Hợp Đồng này.
- (e) [Lựa chọn trong từng trường hợp cụ thể]¹
 - (i) **“Giá Vốn”** có nghĩa là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạntháng bậc cao nhất, lãnh lãi cuối kỳ do Bên Cho Vay công bố;
 - (ii) **“Giá Vốn”** có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bậc cao nhất, lãnh lãi cuối kỳ của 04 (bốn) Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – VIETINBANK, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – VIETCOMBANK, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – AGRIBANK tại thời điểm công bố.
- (f) **“Khoản Vay”** có nghĩa được quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- (g) **“Kỳ Thanh Toán”** là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận giữa Bên Cho Vay và Bên Vay mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Bên Vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bên Cho Vay. Kỳ Thanh Toán được Các Bên xác định trong bảng kê lịch trả nợ đính kèm Hợp Đồng.
- (h) **“Lãi Suất Cho Vay”** có nghĩa được quy định tại Điều 3.1(a) của Hợp Đồng này.
- (i) **“Ngày Giải Ngân”** có nghĩa là một Ngày Làm Việc mà Bên Cho Vay chấp thuận giải ngân Khoản Vay.
- (j) **“Ngày Đáo Hạn”** là thời điểm Bên Vay phải trả hết nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định của Hợp Đồng này. Nếu Ngày Đáo Hạn không có trong năm dương lịch, hoặc không phải là một Ngày Làm Việc của Bên Cho Vay thì Ngày Đáo Hạn được chuyển sang Ngày Làm Việc liền kề ngay sau đó. Ngày Đáo Hạn được Các Bên xác định trong bảng kê lịch trả nợ và/hoặc Đơn đề nghị rút khoản vay đính kèm Hợp Đồng.
- (k) **“Ngày Ký Hợp Đồng”** có nghĩa là ngày ký Hợp Đồng này được ghi tại trang đầu tiên của Hợp Đồng.

¹ Chỉ lựa chọn (i) hoặc (ii), xóa nội dung trong ngoặc vuông và nội dung còn lại không được lựa chọn

- (l) “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào có trong năm dương lịch trừ (i) ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ tại Việt Nam, và (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- (m) “**Ngày Định Kỳ Thanh Toán**” có nghĩa là ngày đến hạn thanh toán nợ gốc, nợ lãi của Khoản Vay trong mỗi Kỳ Thanh Toán, và được Bên Vay xác định trong Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay hoặc được Các Bên xác định trong bảng kê lịch trả nợ, tùy từng trường hợp cụ thể.
- (n) “**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa được quy định tại Điều 14 của Hợp Đồng.
- (o) “**Tài Khoản**” có nghĩa là bất kỳ tài khoản ngân hàng nào do Bên Vay mở và duy trì tại Bên Cho Vay.
- (p) “**Thông Báo Tín Dụng**” là văn bản của Bên Cho Vay thông báo về việc chấp thuận cho vay với các điều kiện, điều khoản được nêu trong thông báo đó.
- (q) “**Thời Hạn**” là thời hạn cho vay được quy định tại Điều 2.5 của Hợp Đồng này và được tính kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải Ngân cho đến Ngày Đáo Hạn. Trong trường hợp khoản vay được giải ngân nhiều lần thì Thời Hạn được tính từ ngày tiếp theo của Ngày Giải Ngân đầu tiên.
- (r) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- (s) “**VND**” hoặc “**₫**” hoặc “**đồng**” có nghĩa là tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

1.2. Nguyên tắc giải thích Hợp Đồng

- (a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa trong Hợp Đồng này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các từ dùng ở dạng số ít cũng bao hàm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (b) Nếu có sự mâu thuẫn giữa nội dung của một điều khoản cụ thể và đề mục của điều khoản đó thì sẽ áp dụng nội dung của điều khoản để giải quyết các vấn đề được đặt ra trong phạm vi điều khoản đó. Các tiêu đề chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc tra cứu và không làm ảnh hưởng đến nội dung Hợp Đồng.
- (c) Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản, văn kiện, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục và tài liệu đính kèm của văn bản, văn kiện, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn bản, văn kiện, hoặc thỏa thuận nào được ban hành hoặc ký hợp lệ bởi Các Bên để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản, văn kiện, hoặc thỏa thuận đó.
- (d) Các từ "của Hợp Đồng này", "trong Hợp Đồng này", "theo Hợp Đồng này" và các từ tương tự khác khi được sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ đề cập đến toàn bộ nội dung của Hợp Đồng này và không chỉ có nghĩa là đề cập tới một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng này.
- (e) Bất kỳ cam kết, cam đoan, tuyên bố hoặc xác nhận bằng văn bản của, trong hoặc theo Hợp Đồng này do Bên Vay đưa ra có nghĩa là Bên Vay đã kiểm tra và nhận thức rõ tất cả các vấn đề cần thiết liên quan kể cả tính khả thi bằng mọi phương tiện và biện pháp

hợp lý;

- (f) Trừ khi có quy định khác, "tháng" có nghĩa là tháng dương lịch.
- (g) "Ngày" có nghĩa là một ngày dương lịch, trừ khi được xác định là một Ngày Làm Việc trong quy định có liên quan.
- (h) Thời gian trong ngày, nếu có, là để chỉ thời gian theo giờ tại Việt Nam.

ĐIỀU 2. KHOẢN VAY VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

2.1. Bên Cho Vay đồng ý cấp cho Bên Vay số tiền vay được rút bằng đồng Việt Nam, cụ thể như sau:

- Bằng số: VNĐ
- Bằng chữ:..... đồng Việt Nam

(Sau đây được gọi là "**Khoản Vay**").

2.2. Mục đích sử dụng vốn vay:

Bên Vay sẽ sử dụng toàn bộ các Khoản Vay cho mục đích ("**Mục Đích**") như được Bên Vay chỉ định trong Đơn Vay theo mẫu do Bên Cho Vay phát hành và thể hiện trong Thông Báo Tín Dụng.

2.3. Bên Vay sẽ sử dụng Khoản Vay nhằm Mục Đích nêu trên, với điều kiện Khoản Vay đó phải:

- i. Không thuộc các nhu cầu vốn mà Bên Cho Vay không được cho vay theo quy định pháp luật;
- ii. Không trái với các quy định của Hợp Đồng này; và
- iii. Phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

2.4. Phương thức cho vay:

2.5. Thời Hạn cho vay là:tháng.

ĐIỀU 3. LÃI SUẤT CHO VAY VÀ CÁCH TÍNH LÃI

3.1. Lãi suất cho vay trong hạn: ("Lãi Suất Trong Hạn")

(a) Lãi Suất Trong Hạn áp dụng cho ... tháng đầu của Thời Hạn (tương đương với ... Kỳ Thanh Toán, từ Kỳ Thanh Toán thứ nhất đến hết Kỳ Thanh Toán thứ ...) là: ...%/năm trên cơ sở quy ước một năm là 360 ngày (**bằng chữ:**), tương đương với mức lãi suất ...%/năm trên cơ sở quy ước một năm là 365 ngày (được quy đổi theo công thức như sau: (Lãi suất cho vay trên cơ sở quy ước một năm là 360 ngày ...%/năm : 360 ngày) x 365 ngày) = ...%/năm trên cơ sở quy ước một năm là 365 ngày) tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì dư nợ vay thực tế đó.

(b) Bắt đầu ngày đầu tiên của Kỳ Thanh Toán thứ ..., Lãi Suất Trong Hạn được áp dụng bằng Giá Vốn cộng với biên độ%. Sau đó, Lãi Suất Cho Vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần theo quy tắc sau:

- (i) Ngày điều chỉnh lãi suất:
- Nếu ngày bắt đầu Thời Hạn là một ngày trong khoảng thời gian từ ngày đầu tiên đến ngày 10 trong tháng đầu tiên của quý thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày 10 trong tháng đầu tiên của quý đó. Nếu ngày đến hạn điều chỉnh lãi suất không phải là Ngày Làm Việc thì ngày điều chỉnh lãi suất sẽ được chuyển qua Ngày Làm Việc tiếp theo.
 - Nếu ngày bắt đầu Thời Hạn là một ngày trong khoảng thời gian từ sau ngày 10 trong tháng đầu tiên đến hết ngày kết thúc quý thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày 10 trong tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Nếu ngày đến hạn điều chỉnh lãi suất không phải là Ngày Làm Việc thì ngày điều chỉnh lãi suất sẽ được chuyển qua Ngày Làm Việc tiếp theo.
- (ii) Lãi Suất Trong Hạn sau điều chỉnh được tính trên cơ sở Giá Vốn tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ%.

3.2. Lãi trên nợ gốc trong hạn:

- (a) Lãi trên nợ gốc trong hạn được tính theo Lãi Suất Trong Hạn tính theo năm trên cơ sở một năm quy ước là 365 ngày trên số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó. (Tính theo dư nợ thực tế).
- (b) Để cho rõ ràng, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn mà Bên Vay phải trả cho Bên Cho Vay được Các Bên xác định cụ thể theo bảng kê lịch trả nợ gốc và nợ lãi như đính kèm tại Phụ lục 3 của Hợp Đồng này.

3.3. Lãi trên nợ gốc quá hạn:

Đối với số dư nợ gốc mà Bên Vay không trả đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và không được Bên Cho Vay cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Bên Vay phải chịu lãi trên nợ gốc bị quá hạn với mức lãi suất áp dụng bằng 150% Lãi Suất Trong Hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

3.4. Lãi trên nợ lãi quá hạn:

Trong trường hợp Bên Vay không trả đúng hạn tiền Lãi trên nợ gốc trong hạn quy định tại Điều 3.2 trên đây thì phải trả lãi chậm trả với lãi suất bằng 10%/năm trên cơ sở một năm quy ước là 365 ngày tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

ĐIỀU 4. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHOẢN VAY

- 4.1.** Tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này, Các Bên thống nhất không áp dụng biện pháp bảo đảm đối với Khoản Vay. Theo đó, Bên Cho vay đồng ý cấp cho Bên Vay một Khoản Vay trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của Bên Vay.
- 4.2.** Bổ sung biện pháp bảo đảm cho Khoản Vay:
- (a) Bên Vay theo đây đồng ý rằng, trong suốt Thời Hạn, nếu xảy ra bất cứ sự kiện nào mà theo nhận định của Bên Cho Vay là có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên Vay (bao gồm và không giới hạn: thu nhập của Bên Vay bị giảm

sút hoặc Bên Vay nghỉ việc/thôi việc/thay đổi nơi làm việc) hoặc dẫn đến Bên Vay không đủ điều kiện để được vay vốn không có bảo đảm theo Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bên Cho Vay hoặc Bên Vay có khả năng vi phạm bất kỳ cam kết nào liên quan đến khoản vay (theo Hợp Đồng này và/hoặc các văn bản có liên quan), thì trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên Cho Vay có yêu cầu, Bên Vay phải bổ sung tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của bên thứ ba để thế chấp, cầm cố, ký quỹ, hoặc thực hiện bất cứ biện pháp bảo đảm nào khác theo quy định pháp luật cho Bên Cho Vay ("**Tài Sản Bảo Đảm**").

- (b) Tài Sản Bảo Đảm phải có giá trị đủ để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác của Bên Vay đối với Bên Cho Vay, và phải được Bên Cho Vay chấp thuận. Trong thời hạn nêu trên, Bên Vay phải phối hợp với Bên Cho Vay và bên thứ ba có tài sản hoàn tất việc (i) ký kết hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo đảm hoặc bất kỳ văn bản thỏa thuận bảo đảm nào khác, và (ii) đăng ký giao dịch bảo đảm đối với Tài Sản Bảo đảm, theo quy định pháp luật.
- (c) Trường hợp đến hạn trả nợ (kể cả đến hạn do Bên Vay phải trả nợ trước hạn) mà Bên Vay không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ và các chi phí khác có liên quan thì Bên Cho Vay được quyền xử lý Tài Sản Bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định pháp luật để thu hồi nợ. Trường hợp Bên Cho Vay đã xử lý Tài Sản Bảo Đảm mà vẫn không thu hồi đủ khoản nợ thì Bên Vay phải tiếp tục dùng các tài sản khác để trả hết khoản nợ, và Bên Cho Vay được quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Bên Vay/bên thứ ba bảo đảm để thu hồi nợ.
- (d) Bên Vay phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục đối với Tài Sản Bảo Đảm theo quy định pháp luật. Nếu Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bổ sung Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc thu xếp biện pháp bảo đảm khác theo đúng quy định này trong thời hạn nêu trên, thì Bên Cho Vay có quyền thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

4.3. Tài sản bảo đảm thuộc sở hữu chung của vợ và chồng:

- (a) Trong trường hợp Tài Sản Bảo Đảm là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của Bên Vay hoặc Bên thứ ba bảo đảm mà chỉ một đứng tên một bên chồng/vợ trên giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng thì:
 - (i) Vợ/chồng không có tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng còn lại phải lập văn bản thể hiện ý chí đồng ý dùng tài sản đó để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Bên Vay đối với Bên Cho Vay, đồng ý cho bên còn lại được quyền định đoạt tài sản để thực hiện nghĩa vụ thay cho Bên Vay khi Bên Vay vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm đối với Bên Cho Vay; và
 - (ii) Vợ/chồng không có tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng dụng lập văn bản ủy quyền có công chứng đồng ý ủy quyền cho bên vợ/chồng còn lại ký Hợp Đồng Bảo Đảm, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi bổ sung, các văn

bản có liên quan Hợp Đồng Bảo Đảm, các văn bản định đoạt, xử lý tài sản bảo đảm.

- (b) Bên Vay chịu trách nhiệm đối với tính hợp pháp và trung thực của Hợp đồng uỷ quyền mà Bên Vay nhận uỷ quyền từ vợ/chồng của mình nhằm thực hiện toàn quyền tài sản đối với Tài Sản Bảo Đảm theo Hợp Đồng này và các Phụ lục đính kèm.

ĐIỀU 5. CÁC LOẠI PHÍ, CHI PHÍ CÓ LIÊN QUAN

Các Bên theo đây đồng ý rằng:

5.1. Các khoản phí liên quan đến hoạt động cho vay bao gồm:

- (a) Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp Bên Vay trả nợ trước hạn: ...
- (b) Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng: ...
- (c) Phí thu xếp cho vay hợp vốn: ...
- (d) Phí cam kết rút vốn:

Trường hợp giải ngân một lần, Bên Vay phải chịu phí cam kết rút Khoản Vay là ...% tính trên số tiền chưa/không rút Khoản Vay theo Hợp Đồng này nếu vi phạm thời hạn rút Khoản Vay.

Trường hợp giải ngân nhiều lần, Bên Vay phải chịu phí cam kết rút Khoản Vay là ...% tính trên số tiền chưa/không rút Khoản Vay theo Hợp Đồng này tính từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực đến ngày giải ngân Khoản Vay lần đầu nếu vi phạm thời hạn rút Khoản Vay.

- (e) Các loại phí khác liên quan đến hoạt động cho vay mà Bên Cho Vay được quyền thu theo chính sách của Bên Cho Vay trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Bên Cho Vay sẽ có thông báo cụ thể về mức phí cho Bên Vay khi có sự kiện phát sinh và đảm bảo việc thu phí này là hợp pháp.

5.2. Bên Vay chịu trách nhiệm và tự thanh toán các khoản phí, lệ phí phải nộp cho bên thứ ba như phí dịch vụ pháp lý (nếu có), phí định giá tài sản bảo đảm lần đầu, phí liên quan đến dịch vụ đăng ký/ thay đổi nội dung đăng ký/xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, phí công chứng, và các khoản phí khác có (nếu có) liên quan đến Khoản Vay để Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm đủ điều kiện thực hiện.

5.3. Liên quan đến các việc quản lý, xử lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm) như định giá Tài Sản Bảo Đảm các lần kế tiếp theo quy định của Bên Cho Vay trong quá trình duy trì Khoản Vay, phí bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm, quản lý, trông giữ, bảo quản Tài Sản Bảo Đảm (nếu có), xử lý Tài Sản Bảo Đảm ... thì Bên Vay và Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) phải liên đới chịu mọi chi phí phát sinh và tự thanh toán đúng thời hạn theo thông báo của Bên Cho Vay hoặc của bên cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) không thanh toán các chi phí phát sinh nêu trên đúng thời hạn theo thông báo của Bên Cho Vay hoặc của bên cung cấp dịch vụ, Bên Cho Vay sẽ có quyền nhưng không có nghĩa vụ thanh toán các khoản chi phí phát sinh này và sau đó Bên Cho Vay sẽ tự động ghi nợ cho Bên

Vay đối với (các) khoản phí tồn này.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KIỆN GIẢI NGÂN VÀ RÚT KHOẢN VAY

6.1. Việc giải ngân cho Bên Vay theo Hợp Đồng này tùy thuộc vào nguồn vốn của Bên Cho Vay tại thời điểm giải ngân và quy định pháp luật hiện hành. Bên Cho Vay có quyền từ chối giải ngân, không tiếp tục giải ngân một phần hoặc toàn bộ Khoản Vay theo Hợp Đồng này, Thông Báo Tín Dụng trong trường hợp sau đây:

- (a) Quy định pháp luật Việt Nam không cho phép Bên Cho Vay giải ngân cho Bên Vay;
- (b) Bên Vay không bảo đảm được các điều kiện để được vay theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bên Cho Vay và/hoặc Hợp Đồng này;
- (c) Mục đích sử dụng Khoản Vay của Bên Vay không đúng với thỏa thuận tại Hợp Đồng này và/hoặc không phù hợp quy định pháp luật Việt Nam, Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bên Cho Vay;
- (d) Bên Vay có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tại Bên Cho Vay, kể cả không thuộc phạm vi của Hợp Đồng này;
- (e) Có vi phạm thuộc Sự Kiện Vi Phạm theo Điều 14 của Hợp Đồng này;
- (f) Xảy ra bất kỳ sự kiện nào nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên Cho Vay dẫn đến việc Bên Cho Vay không thể giải ngân cho Bên Vay theo các thỏa thuận tại Hợp Đồng này;
- (g) Giới hạn cho vay đối với Bên Vay, hoặc Bên Vay và người có liên quan tại Bên Cho Vay, biến động thị trường hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn của Bên Cho Vay; hoặc
- (h) Các trường hợp khác theo quyết định của Bên Cho Vay phù hợp quy định pháp luật Việt Nam và Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bên Cho Vay tại từng thời điểm áp dụng (nếu có).

6.2. Điều kiện giải ngân:

Bên Cho Vay sẽ giải ngân vào Tài Khoản của Bên Vay hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, quy định cho vay của Ngân hàng và thực tế của khoản vay sau khi:

- (a) Hợp Đồng này đã được ký kết hợp lệ bởi Các Bên;
- (b) Bên Vay đã ký kết và cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu và chứng từ theo yêu cầu của Bên Cho Vay và Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn Đơn Vay, Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay, Bảng kê lịch trả nợ và các giấy tờ cần thiết khác đáp ứng Điều Kiện Tiên Quyết;
- (c) Bên Vay đã nhận được Thông Báo Tín Dụng do Bên Cho Vay phát hành;

- (d) Bên Vay đã hoàn tất thủ tục mở Tài Khoản dùng để giải ngân tại Bên Cho Vay theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Bên Cho Vay về việc mở và sử dụng tài khoản; và
- (e) Các điều kiện khác tại từng thời điểm giải ngân (nếu có) đã được đáp ứng đầy đủ theo Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bên Cho Vay và phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
- (f) Tổng số tiền đã giải ngân cho Bên Vay được phong tỏa bởi Bên Cho Vay (nếu cần thiết) theo thỏa thuận với Bên Vay và Bên Thụ Hưởng (nếu có) cho đến khi Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) đã hoàn tất các thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm và theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm).

6.3. Thời hạn rút Khoản Vay:

- (a) Trong trường hợp giải ngân một lần, thời hạn rút Khoản Vay là ba (03) tháng kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực.
- (b) Trong trường hợp giải ngân nhiều lần, thời hạn rút Khoản Vay đối với Khoản Vay đầu tiên là ba (03) tháng kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực, các Khoản Vay tiếp theo sẽ căn cứ vào tiến độ lịch trình thanh toán theo thỏa thuận với Bên Thụ Hưởng.
- (c) Nếu Bên Vay vi phạm về thời hạn rút Khoản Vay thì phải chịu phí cam kết rút vốn theo Điều 5.1(d) của Hợp Đồng này.

6.4. Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay:

- (a) Trong thời hạn rút Khoản Vay theo quy định tại Điều 6.3.(a) và 6.3(b) của Hợp Đồng này, Bên Vay phải gửi Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay theo mẫu phát hành cho Bên Cho Vay với nội dung đề nghị Bên Cho Vay giải ngân Khoản Vay vào một Tài Khoản đã chỉ định.
- (b) Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay được Bên Vay thực hiện theo mẫu của Bên Cho Vay. Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay này không được hủy ngang và phải được gửi đến cho Bên Cho Vay trong thời hạn rút Khoản Vay, trước ngày yêu cầu rút Khoản Vay ít nhất 02 Ngày Làm Việc và trước 11:00 sáng của ngày gửi Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay.
- (c) Kể từ Ngày Giải Ngân, Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay này sẽ trở thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này và đồng thời là Giấy nhận nợ của Bên Vay đối với Khoản Vay.

6.5. Sau khi nhận được Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay, Bên Cho Vay sẽ tiến hành việc giải ngân cho Bên Vay vào Ngày Giải Ngân theo phương thức chuyển khoản phù hợp với quy định pháp luật, quy định của Bên Cho Vay và thực tế của khoản vay, với các điều kiện sau đây:

- (a) Bên Vay đã đáp ứng đủ điều kiện giải ngân theo quy định tại Điều 6.2 của Hợp Đồng này;

- (b) Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay đã được Bên Vay gửi cho Bên Cho Vay trong thời hạn rút Khoản Vay theo quy định tại Điều 6.3 của Hợp Đồng này.

6.6. Việc giải ngân được xem là hoàn tất kể từ thời điểm:

- (a) Tài khoản thanh toán của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay được nêu trong Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay đã ghi “có” nếu giải ngân thông qua tài khoản thanh toán của Bên Vay; hoặc
- (b) Bên Cho Vay đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền cho Bên Thụ Hưởng nếu giải ngân để thanh toán trực tiếp cho Bên Thụ Hưởng.

ĐIỀU 7. THANH TOÁN GỐC VÀ LÃI KHOẢN VAY

7.1. Các Bên theo đây đồng ý rằng, Bên Vay phải thanh toán gốc và lãi của Khoản Vay đúng hạn trong Kỳ Thanh Toán, cụ thể như sau:

- (a) Gốc và Lãi trên nợ gốc trong hạn của Khoản Vay sẽ được Bên Vay thanh toán cho Bên Cho Vay vào Ngày Định Kỳ Thanh Toán như trong Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay và Bảng kê lịch trả nợ đính kèm Hợp Đồng.
- (b) Bên Vay phải thanh toán ngay các khoản gốc quá hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn, các khoản phí, chi phí khác (nếu có) tại mọi thời điểm khi phát sinh mà không phụ thuộc vào Ngày Định Kỳ Thanh Toán .
- (c) Nếu Ngày Định Kỳ Thanh Toán rơi vào ngày không có trong tháng dương lịch hiện tại, hoặc không phải là một Ngày Làm Việc thì Ngày Định Kỳ Thanh Toán này sẽ được tính là Ngày Làm Việc liền kề ngay sau đó, và lãi sẽ được tính cho đến ngày trả nợ thực tế của Bên Vay;
- (d) Nếu Bên Vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc và/hoặc kỳ trả nợ lãi nào cũng đều bị xem là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Bên Cho Vay, và Bên Cho Vay có quyền thu hồi trước hạn ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này;

7.2. Thanh toán Khoản Vay trước hạn theo đề xuất của Bên Vay:

Bên Vay có thể hoàn trả toàn bộ hoặc một phần Khoản Vay trước hạn với điều kiện là:

- (a) Bên Vay phải gửi văn bản thông báo cho Bên Cho Vay trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc của Ngày Định Kỳ Thanh Toán, trong đó nêu rõ số tiền và ngày hoàn trả trước hạn;
- (b) Bên Vay phải thanh toán cho Bên Cho Vay một khoản phí thanh toán trước hạn (“**Phí Thanh Toán Trước Hạn**”) theo Điều 5.1(a) của Hợp Đồng này; và
- (c) Bên Vay phải hoàn tất việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần Khoản Vay trước hạn tại thời điểm ghi trong thông báo chấp thuận của Bên Cho Vay. Nếu việc thanh toán bị thực hiện chậm trễ thì Bên Cho Vay được quyền (i) chấm dứt thỏa thuận thanh toán trước hạn này và yêu cầu Bên Vay tiếp tục thực hiện theo các điều kiện và điều khoản

của Hợp Đồng này, hoặc (ii) chuyển toàn bộ dư nợ của Khoản Vay thành nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam.

7.3. Phương thức trả nợ:

Bên Vay có thể thanh toán Khoản Vay theo Điều 7.1 và 7.2 bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên Vay tại Bên Cho Vay hoặc nộp tiền mặt trực tiếp tại địa điểm giao dịch của Bên Cho Vay, tùy thuộc theo phương thức được quy định cụ thể trên Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay và Thông Báo Tín Dụng.

7.4. Thứ tự ưu tiên thanh toán:

Trừ trường hợp khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, nếu Bên Cho Vay nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ Bên Vay, thì phần thanh toán này sẽ được dùng để thanh toán cho các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng theo thứ tự ưu tiên thanh toán như sau:

- i. Thứ nhất, thanh toán các khoản phí, chi phí được quy định tại Điều 5 Hợp Đồng;
- ii. Thứ hai, thanh toán khoản Lãi trên nợ lãi quá hạn được quy định tại Điều 3.4 Hợp Đồng
- iii. Thứ ba, thanh toán khoản Lãi trên nợ gốc quá hạn được quy định tại Điều 3.3 Hợp Đồng;
- iv. Thứ tư, thanh toán khoản Lãi trên nợ gốc trong hạn quy định tại Điều 3.2 Hợp Đồng;
- v. Thứ năm, thanh toán các khoản nợ gốc của Khoản Vay; và
- vi. Thứ sáu, thanh toán các khoản, các nghĩa vụ phải thanh toán khác (nếu có).

7.5. Nợ quá hạn:

Các khoản nợ gốc, lãi của Khoản Vay sẽ được chuyển thành nợ quá hạn trong các trường hợp sau:

- (a) Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi theo định kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của Ngày Định Kỳ Thanh Toán đối với Kỳ Thanh Toán đó;
- (b) Bên Vay (phải) trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Hợp Đồng này (bao gồm các trường hợp theo Điều 7.2 và Điều 15) nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Bên Cho Vay. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà Bên Cho Vay yêu cầu Bên Vay phải trả nợ trước hạn.

Bên Cho Vay sẽ gửi cho Bên Vay thông báo bằng văn bản về việc chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ bị quá hạn theo quy định về hình thức gửi thông báo tại Điều 16 của Hợp Đồng này. Kể từ thời điểm dư nợ bị chuyển thành nợ quá hạn ghi trong thông báo, Bên Cho Vay có quyền áp dụng bất kỳ biện pháp nào theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, các Hợp Đồng Bảo Đảm hay các thỏa thuận khác giữa Các Bên (nếu có), hoặc bất kỳ biện pháp nào theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

ĐIỀU 8. CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ

- 8.1.** Trường hợp Bên Vay không có khả năng thanh toán nợ đúng hạn, thì Bên Vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Cho Vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ. Văn bản đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ được gửi trước thời điểm đến ngày Ngày Định Kỳ Thanh Toán hoặc ngày kết thúc Thời Hạn ngày. Ngoài các nội dung khác, phải trình bày rõ lý do yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lịch trả nợ mới dự kiến và tài liệu chứng minh (nếu có).
- 8.2.** Với điều kiện Khoản Vay chưa bị chuyển nợ quá hạn, Bên Cho Vay sẽ cân nhắc yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên Vay, và Bên Vay theo đây đồng ý rằng Bên Cho Vay có thể từ chối hoặc chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ đó theo toàn quyền quyết định của Bên Cho Vay. Yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên Vay chỉ được xem là đã được Bên Cho Vay đồng ý nếu Bên Cho Vay đã gửi văn bản chấp thuận cho Bên Vay.
- 8.3.** Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Điều này chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của Các Bên.

ĐIỀU 9. KHẤU TRỪ VÀ BỒI HOÀN

- 9.1.** Bên Vay đồng ý cho Bên Cho Vay có toàn quyền khấu trừ (hoặc các quyền tương tự đối với bất kỳ quyền và lợi ích hợp pháp nào) ("**Quyền Khấu Trừ**") khi Bên Cho Vay cho là cần thiết từ tài khoản tiền gửi, tài khoản tiết kiệm hay bất kỳ tài khoản nào khác của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay để thực hiện bất kỳ các nghĩa vụ thanh toán nào theo quy định của Hợp Đồng này. Bên Vay đồng ý, nếu Bên Vay có tài khoản tiền gửi tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác thì Bên Cho Vay được quyền lập ủy nhiệm thu để thực hiện quyền thu nợ theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và phù hợp quy định pháp luật. Bên Vay có trách nhiệm phải phối hợp với tổ chức tín dụng đó nhằm hoàn tất các thủ tục cần thiết để Bên Cho Vay tiến hành thu hồi nợ.
- 9.2.** Bên Vay cam kết sẽ bồi hoàn cho Bên Cho Vay tất cả các chi phí phát sinh do Bên Vay không tuân thủ quy định của Hợp Đồng này, kể các phí tư vấn pháp luật, phí giải quyết tranh chấp khi phát sinh.

ĐIỀU 10. BẢO HIỂM

- 10.1.** Bên Vay bằng chi phí của mình cam kết mua bảo hiểm tại tổ chức bảo hiểm được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Bên Cho Vay chỉ định hoặc chấp thuận đối với Khoản Vay để bảo hiểm cho trách nhiệm hoàn trả số tiền vay khi phát sinh rủi ro có thể được bảo hiểm, với số tiền bảo hiểm tối thiểu bằng 100% tổng dư nợ của các Khoản Vay tại thời điểm mua bảo hiểm;
- 10.2.** Với tư cách là bên mua bảo hiểm, Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) sẽ chỉ định Bên Cho Vay là bên thụ hưởng duy nhất của mọi quyền lợi bảo hiểm phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm này trong suốt thời gian có hiệu lực của Hợp Đồng này, đồng thời Bên Cho Vay là bên được ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang nộp Đơn đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm hoặc bất kỳ giấy tờ tương đương nào khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Cho mục đích của Điều này, Bên Vay chỉ được thay đổi người thụ hưởng ghi trong hợp đồng bảo hiểm sau khi

Hợp Đồng này đã bị chấm dứt và Bên Vay đã hoàn thành mọi nghĩa vụ phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp Đồng này.

- 10.3.** Bên Vay bằng việc ký kết thực hiện Hợp Đồng này đồng ý gánh chịu mọi phí tổn phát sinh, uỷ quyền cho Bên Cho Vay ký kết (các) hợp đồng bảo hiểm mới hoặc gia hạn (các) hợp đồng bảo hiểm đã ký trước đó với mức phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm tương ứng mà Bên Cho Vay nhận thấy là cần thiết và hợp lý để bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm với các điều khoản tương tự như các quy định nêu trên khi Bên Vay chưa mua bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm như quy định tại Điều này.
- 10.4.** Trong trường hợp có bổ sung Tài Sản Bảo Đảm, việc bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện theo quy định của hợp đồng bảo đảm và thỏa thuận khác của Các Bên.

ĐIỀU 11. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM

Vào ngày ký Hợp Đồng này và bất kỳ thời điểm nào trong Thời Hạn, Bên Vay cam đoan và bảo đảm với Bên Cho Vay rằng:

- (a) Việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc;
- (b) Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp Đồng này;
- (c) Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp Đồng này;
- (d) Đã được Bên Cho Vay cung cấp đầy đủ các thông tin: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay.
- (e) Các giấy tờ nhân thân, văn bản, thông tin mà Bên Vay cung cấp cho Bên Cho Vay là hợp pháp, đúng sự thật và đầy đủ để thực hiện Hợp Đồng này;
- (f) Tại thời điểm thực hiện bổ sung biện pháp bảo đảm cho Khoản Vay theo yêu cầu của Bên Cho Vay (nếu có), Tài Sản Bảo Đảm thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) thỏa mãn các điều kiện sau đây:
 - (i). Chưa được sử dụng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào (kể cả Bên Vay hoặc Bên thứ ba bảo đảm) với một bên thứ ba nào khác;
 - (ii). Không là đối tượng của bất kỳ tranh chấp nào;
 - (iii). Không bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, ngăn chặn, phong tỏa;
 - (iv). Đủ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Bên Vay theo quy định của Hợp Đồng này.
- (g) Việc ký và thực hiện Hợp Đồng không vi phạm các nghĩa vụ khác của Bên Vay với bất kỳ bên thứ ba nào, kể cả các biện pháp bảo đảm của các nghĩa vụ đó;

- (h) Không có bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào của Bên Vay xảy ra theo quy định tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (i) Bên Cho Vay có quyền ưu tiên cao nhất trong việc thu hồi Khoản Vay và xử lý Tài Sản Bảo Đảm trừ trường hợp quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên Cho Vay bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (j) Bên Vay đồng ý để Bên Cho Vay thực hiện các biện pháp sau đây khi thu hồi nợ:
 - (i) Bên Cho Vay tính và thu gốc, lãi, các chi phí có liên quan theo quy định tại Hợp Đồng này, quy định của Bên Cho Vay phù hợp với quy định pháp luật.
 - (ii) Bên Cho Vay trích thu tiền từ Tài Khoản của Bên Vay và/hoặc thực hiện các biện pháp khác để xử lý, thu hồi nợ theo quy định tại Hợp Đồng này và các văn bản có liên quan.
 - (iii) Bên Cho Vay nhận các khoản tiền do các cá nhân, tổ chức khác thanh toán cho Bên Vay, bao gồm và không giới hạn tiền lương, thưởng, trợ cấp, phụ cấp, bồi thường thiệt hại, ... mà Bên Vay được nhận.
 - (iv) Thực hiện các biện pháp khác mà Bên Cho Vay cho là cần thiết để xử lý, thu hồi nợ theo quy định tại Hợp Đồng này và các văn bản pháp luật có liên quan.
- (k) Đồng ý cho Bên Cho Vay công bố, cung cấp những thông tin tín dụng liên quan đến Hợp Đồng này, Bên Vay, Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) hoặc các bên khác có liên quan đến Bên Vay, Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) cho các cá nhân, tổ chức (kể cả người có liên quan, đối tác của Bên Cho Vay, cơ quan nhà nước có thẩm quyền) phù hợp các quy định pháp luật có liên quan.
- (l) Đồng ý cho Bên Cho Vay công khai, công bố các thông tin có liên quan đến việc Bên Vay vi phạm các cam kết và điều khoản trong Hợp Đồng này (nếu có) cho bên thứ ba bất kỳ, kể cả trên phương tiện thông tin đại chúng.

ĐIỀU 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

12.1. Quyền của Bên Vay:

- (a) Bên Vay được rút Khoản Vay theo quy định của Hợp Đồng này;
- (b) Bên Vay có thể trả nợ trước hạn khi được Bên Cho Vay chấp thuận bằng văn bản theo quy định tại Điều 7.2 Hợp Đồng này; và
- (c) Các quyền khác được quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

12.2. Nghĩa vụ của Bên Vay:

- (a) Có trách nhiệm cung cấp cho Bên Cho Vay các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Cho Vay thực hiện giải ngân Khoản Vay và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ đã cung cấp cho Bên Cho Vay, bao gồm các loại hồ sơ:

- (i). Hồ sơ về nhân thân chứng minh về năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự;
 - (ii). Hồ sơ về nhu cầu sử dụng vốn vào Mục Đích hợp pháp;
 - (iii). Hồ sơ liên quan đến phương án sử dụng vốn, trừ trường hợp vay vốn sử dụng phục vụ đời sống;
 - (iv). Hồ sơ về khả năng tài chính và nguồn trả nợ;
 - (v). Các hồ sơ khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay.
- (b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên Cho Vay về việc sử dụng Khoản Vay đúng Mục Đích, thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong Hợp Đồng này cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực cho Bên Cho Vay các thông tin, chứng từ, tài liệu, hồ sơ chứng minh việc sử dụng Khoản Vay trong suốt quá trình vay vốn và chịu sự giám sát của Bên Cho Vay về các nội dung đó;
- (c) Trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho Bên Cho Vay;
- (d) Cung cấp và báo cáo tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay được sử dụng đúng Mục Đích và tạo điều kiện cho Bên Cho Vay giám sát, kiểm tra quá trình vay vốn, tình hình sử dụng vốn vay và trả nợ, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất Tài Sản Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm), tình hình tài sản, thu nhập của Bên Vay, và các thông tin khác liên quan đến Khoản Vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay;
- (e) Nhanh chóng và kịp thời bổ sung Tài Sản Bảo Đảm bằng biện pháp cầm cố, thế chấp, ký quỹ hay biện pháp bảo đảm khác theo quy định pháp luật và thỏa thuận tại Hợp Đồng này nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay khi Bên Cho Vay có yêu cầu. Bên Vay không cầm cố, thế chấp hay hình thành bất kỳ biện pháp bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào đối với Tài Sản Bảo Đảm của Bên Vay trừ trường hợp:
- (i) các biện pháp bảo đảm đã có từ trước khi ký Hợp Đồng này và Bên Vay đã thông báo tình trạng của Tài Sản Bảo Đảm này cho Bên Cho Vay bằng văn bản; và
 - (ii) các trường hợp khác được Bên Cho Vay đồng ý bằng văn bản.
- (f) Phải có văn bản chấp thuận của Bên Cho Vay trước khi Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm thay đổi các vấn đề sau:
- (i) Thay đổi về tình trạng pháp lý, tình trạng nhân thân, các tài sản có liên quan đến nguồn trả nợ (nếu có) và các yếu tố khác có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Bên Vay, việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bên Cho Vay; tình trạng thực tế và tình hình sử dụng thực tế của Tài Sản Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm);
 - (ii) Bất kỳ thay đổi nào khác có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên Vay và/hoặc có khả năng xảy ra sự kiện bất lợi khác đối với Tài Sản Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm) của Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên Vay theo hợp đồng này (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm);

- (iii) Thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự, tên, địa chỉ trụ sở hoạt động Bên thứ ba bảo đảm nếu bên bảo đảm là tổ chức (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm);
- (iv) Kế hoạch chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản ... của Bên thứ ba bảo đảm nếu Bên bảo đảm là tổ chức (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm).

Bên Vay theo đây đồng ý rằng, trong trường hợp này, Bên Cho Vay có quyền chấp nhận các thay đổi này hoặc xem xét các thay đổi này là một trong các Sự Kiện Vi Phạm, tùy từng trường hợp cụ thể theo quyết định của Bên Cho Vay.

- (g) Hoàn tất việc mua bảo hiểm theo quy định của Bên Cho Vay và Hợp Đồng này trước khi Bên vay được giải ngân hoặc nhận nợ lần đầu tiên và tiếp tục tự mình và mua bảo hiểm hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm trong thời gian tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày hết hạn đối với bảo hiểm cũ.
- (h) Bên Vay theo đây đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên Vay sẽ không được tiếp tục giải ngân và phải thực hiện trả nợ trước hạn cho Bên Cho Vay (nếu đã phát sinh dư nợ):
 - (i) Bên Vay không gửi Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay hoặc không thực hiện việc rút vốn trong thời hạn rút Khoản Vay theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc
 - (ii) Việc giải ngân Khoản Vay không được thực hiện do Bên Vay không đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân/cấp tín dụng theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc
 - (iii) Mục đích sử dụng Khoản Vay của Bên Vay không đúng với thỏa thuận tại Hợp Đồng này và/hoặc không phù hợp quy định pháp luật Việt Nam, Quy chế nội bộ về hoạt động cho vay tín dụng của Bên Cho Vay; hoặc
 - (iv) Các hồ sơ, thông tin Bên Vay cung cấp cho Bên Cho Vay là không chính xác, không trung thực, hoặc theo nhận định của Bên Cho Vay là Bên Vay có dấu hiệu gian lận, giả mạo khi vay vốn, hoặc tài sản bảo đảm cho Khoản Vay của Bên Cho Vay có dấu hiệu phát sinh tranh chấp, khiếu nại.

Trong các trường hợp nêu trên, Bên Vay đồng ý sẽ bồi thường cho Bên Cho Vay đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà Bên Cho Vay đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên Vay còn phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho Bên Cho Vay theo quy định của pháp luật.

- (i) Chuyển toàn bộ nguồn thu nhập vào Tài Khoản của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay hoặc phải bảo đảm Tài Khoản đủ số dư cần thiết để Bên Cho Vay thu nợ khi đến Ngày Định Kỳ Thanh Toán. Nếu việc trích nợ từ Tài Khoản không đủ để thanh toán nợ, Bên Vay có trách nhiệm thanh toán trực tiếp đúng hạn cho Bên Cho Vay số dư nợ còn lại của Kỳ Thanh Toán đó;
- (j) Không được dùng tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn vay của Bên Cho Vay để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh cho cá nhân, tổ chức khác khi chưa trả hết tất cả nợ gốc, lãi vay và các chi phí khác có liên quan cho Bên Cho Vay.

- (k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng, đầy đủ những nghĩa vụ, cam kết đã được quy định trong Hợp Đồng này;
- (l) Không được chuyển nhượng các quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, hoặc thỏa thuận khác giữa Các Bên (nếu có) cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp được Bên Cho Vay đồng ý bằng văn bản; và
- (m) Bên Vay phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Vay trước 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau, tùy thuộc sự kiện nào xảy ra trước:
 - (i) Hợp đồng lao động hoặc Quyết định bổ nhiệm/tiếp nhận hết hiệu lực hoặc hết hạn nhưng không được gia hạn hoặc không có Hợp đồng lao động hoặc Quyết định bổ nhiệm/tiếp nhận nào khác thay thế;
 - (ii) Bên Vay thay đổi nơi làm việc;
 - (iii) Hợp đồng lao động bị chấm dứt vì bất kỳ lý do nào khác.Bên Vay đồng ý rằng, nếu xảy ra một trong các sự kiện nêu trên, Bên Vay phải thực hiện nghĩa vụ tất toán khoản vay hoặc bổ sung biện pháp bảo đảm khoản vay theo yêu cầu của Bên Cho Vay. Nếu Bên Vay là người lao động đang làm việc cho Bên Cho Vay, Bên Vay phải tất toán khoản vay hoặc bổ sung biện pháp bảo đảm khoản vay **trước** thời điểm chính thức thôi việc.
- (n) Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết, trách nhiệm và các nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO VAY

13.1. Quyền của Bên Cho Vay:

- (a) Yêu cầu Bên Vay cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính của Bên Vay và/hoặc của vợ/chồng Bên Vay, Bên thứ ba bảo đảm cho Bên Vay (nếu có) trước khi quyết định cấp tín dụng;
- (b) Yêu cầu Bên Vay cung cấp các tài liệu cần thiết liên quan đến các điều kiện để nhận Khoản Vay và các tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm), các tài liệu khác theo yêu cầu của Bên Cho Vay tùy từng thời điểm;
- (c) Từ chối giải ngân Khoản Vay nếu Bên Vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Cho Vay hoặc trong trường hợp Bên Cho Vay không thể giải ngân theo quy định của Hợp Đồng này;
- (d) Yêu cầu Bên Vay thực hiện đúng các quy định của Hợp Đồng;
- (e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp Đồng của Bên Vay bao gồm quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay;
- (f) Tự mình hoặc thuê, ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thẩm định giá trị, tình trạng Tài Sản Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm);

- (g) Khi Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn và/hoặc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điều 14 của Hợp Đồng này, nếu Các Bên không có thỏa thuận khác, thì Bên Cho Vay có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn và xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm để thu hồi Khoản Vay (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm);
- (h) Trong trường hợp xảy ra các sự kiện quy định tại Điều 12.2(m) của Hợp Đồng này, Bên Cho Vay có quyền thực hiện một hoặc tất cả công việc như sau:
 - (i) Yêu cầu Bên vay bổ sung biện pháp đảm bảo khoản vay theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc
 - (ii) Chấm dứt việc cho vay, yêu cầu Bên Vay tắt toán khoản vay và thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu Bên Vay là người lao động đang làm việc cho Bên Cho Vay, Bên Vay phải tắt toán khoản vay **trước** khi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động có hiệu lực.
- (i) Thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất đối với Khoản Vay, hoặc được điều chỉnh lãi suất cho vay, gia hạn nợ, điều chỉnh thời hạn nợ thực hiện theo quy định tại Hợp Đồng này; mua bán nợ theo quy định của pháp luật và thực hiện việc đảo nợ, khoanh nợ, xoá nợ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- (j) Được tự động chuyển dư nợ sang nợ quá hạn nếu Bên Vay không thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật;
- (k) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên Vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm hay các văn bản, thỏa thuận khác có liên quan;
- (l) Được thực hiện mọi biện pháp xử lý nợ cần thiết (bao gồm và không giới hạn các biện pháp xử lý Tài Sản Bảo Đảm và các biện pháp khác) theo quy định pháp luật để thu hồi nợ gốc, lãi, lãi quá hạn và các khoản phí/chi phí có liên quan (kể cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) khi Bên Vay vi phạm Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc các thỏa thuận khác giữa Các Bên (nếu có);
- (m) Được tự động trích tài khoản tiền gửi các loại của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay để thu nợ gốc và lãi khi đến hạn;
- (n) Nếu Bên Vay có nhiều người, thì tất cả những người này cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác của Bên Vay, Bên Cho Vay có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số những người này của Bên Vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng này; và
- (o) Các quyền khác được quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

13.2. Nghĩa vụ của Bên Cho Vay:

- (a) Thực hiện việc giải ngân Khoản Vay khi Bên Vay xuất trình đủ các tài liệu theo quy định của Hợp Đồng này;
- (b) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay theo quy định của pháp luật;
- (c) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- (d) Thực hiện các thủ tục giải chấp theo quy định pháp luật khi Bên Vay đã tất toán Khoản Vay;
- (e) Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết, trách nhiệm và các nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 14. CÁC SỰ KIỆN VI PHẠM

Các Bên đồng ý rằng, nếu xảy ra một trong các sự kiện sau đây được coi là sự kiện vi phạm của Hợp Đồng này ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

- 14.1.** Bên Vay vi phạm quy định pháp luật về tín dụng, giao dịch bảo đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm) và/hoặc quy định do Bên Cho Vay ban hành ã thông báo cho Bên Vay theo Điều 16 của Hợp đồng này và/hoặc đăng ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- 14.2.** Bên Vay vi phạm, không tuân thủ, không thực hiện, chậm thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc tuyên bố không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo quy định tại Hợp Đồng này, hay bất kỳ nghĩa vụ nào khác phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, hay bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với Bên Cho Vay; hoặc
- 14.3.** Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) vi phạm Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với Bên Cho Vay; hoặc
- 14.4.** Bên Vay sử dụng Khoản Vay sai Mục Đích hoặc thay đổi Mục Đích mà không được sự đồng ý của Bên Cho Vay; hoặc
- 14.5.** Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) có hành vi không trung thực, hay cung cấp thông tin sai sự thật, che giấu các thông tin hay có hành vi trốn tránh, thiếu thiện chí tương tự đối với những thông tin có liên quan đến Khoản Vay, Tài Sản Bảo Đảm (bao gồm và không giới hạn thay đổi về sử dụng vốn, nguồn thu nhập, khả năng trả nợ, tình trạng nhân thân, nơi cư trú, các tài sản có liên quan đến nguồn trả nợ, tình hình của Tài Sản Bảo Đảm) và những thông tin khác do Bên Cho Vay yêu cầu kể cả những thông tin cung cấp trước hoặc sau khi được cấp Khoản Vay; hoặc
- 14.6.** Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) là cá nhân chết, hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, hoặc bị Tòa án hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi dân sự mà không có người thừa kế được Bên Cho Vay chấp thuận, hoặc ly hôn, bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú, thường trú, tạm trú mà không thông báo cho Bên Cho Vay, hoặc bị khởi tố, truy tố, xét xử hình sự hay chấp hành hình phạt tù theo quy định pháp luật; hoặc
- 14.7.** Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) là tổ chức bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, ngừng hoạt động, giải thể, phá sản... mà không được Bên Cho Vay chấp thuận việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ; hoặc

- 14.8. Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) có một hoặc một số khoản vay, khoản tín dụng tại Bên Cho Vay hoặc tại tổ chức tín dụng khác bị chuyển sang nợ quá hạn và theo nhận định của Bên Cho Vay là có nguy cơ không có khả năng trả nợ; hoặc
- 14.9. Trường hợp Tài Sản Bảo Đảm bổ sung cho Khoản Vay này được dùng để bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ mà một trong số đó bị đến hạn thì dù Khoản Vay của Hợp Đồng này chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn. Bên Cho Vay được quyền yêu cầu Bên Vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay hoặc xử lý Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện các biện pháp để thu hồi Khoản Vay; hoặc
- 14.10. Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bổ sung biện pháp bảo đảm cho Bên Cho Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, hoặc tài sản bảo đảm bị sụt giảm giá trị, bị mất, hư hỏng, bị quy hoạch, bị phong tỏa, ngăn chặn, kê biên, hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà theo nhận định của Bên Cho Vay có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Bên Cho Vay; hoặc
- 14.11. Những thay đổi khác về Tài Sản Bảo Đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được Tài Sản Bảo Đảm theo nhận định của Bên Cho Vay; hoặc
- 14.12. Bên Vay không tuân thủ nghĩa vụ thông báo cho Bên Cho Vay theo quy định tại Điều 12.2(m), thu nhập, tài sản của Bên Vay bị giảm sút (bao gồm và không giới hạn: thu nhập của Bên Vay bị giảm sút hoặc Bên Vay nghỉ việc/thôi việc/thay đổi nơi làm việc), hoặc phần lớn tài sản của Bên Vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hay bị tranh chấp; hoặc
- 14.13. Dùng tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn vay của Bên Cho Vay để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh cho cá nhân, tổ chức khác khi chưa trả hết tất cả nợ gốc, lãi vay và các chi phí khác có liên quan cho Bên Cho Vay; hoặc
- 14.14. Bất kỳ tuyên bố, cam đoan và bảo đảm nào của Bên Vay cung cấp là sai sự thật hoặc không chính xác; hoặc
- 14.15. Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào giữa Các Bên hay các văn kiện, tài liệu liên quan trong Điều Kiện Tiên Quyết bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu hoặc không có giá trị thi hành, hoặc không thể thực hiện được do Sự Kiện Bất Khả Khắcáng; hoặc
- 14.16. Việc duy trì Khoản Vay, theo nhận định của Bên Cho Vay, dẫn đến Bên Cho Vay vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; hoặc
- 14.17. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào; hoặc
- 14.18. Xảy ra trường hợp, sự kiện hoặc có các nguy cơ khác làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên Vay; hoặc
- 14.19. Các trường hợp khác làm ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ gốc, lãi phát sinh và các khoản chi phí phát sinh từ Khoản Vay theo Hợp Đồng này của Bên Cho Vay (nếu có).

ĐIỀU 15. THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN

- 15.1. Khi xảy ra một trong các Sự Kiện Vi Phạm tại **Điều 14**, Bên Cho Vay có quyền ngay lập tức hoặc ở bất kỳ thời điểm nào sau đó áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp sau đây:

- (a) Chấm dứt Hợp Đồng này và thu hồi Khoản Vay (gốc và lãi) trước hạn bằng cách gửi cho Bên Vay thông báo bằng văn bản về việc thu hồi nợ trước hạn theo quy định về hình thức gửi thông báo tại Điều 16 của Hợp Đồng này;
- (b) Tạm khóa và trích từ Tài Khoản các loại của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay (nếu có);
- (c) Toàn quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thu hồi nợ theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm (nếu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm) trừ trường hợp quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên Cho Vay bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp số tiền Bên Cho Vay thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để trả số nợ gốc và lãi theo Hợp Đồng này thì Bên Vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại cho Bên Cho Vay theo quy định của Hợp Đồng này và pháp luật hiện hành;
- (d) Bắt đầu hoặc thực hiện bất kỳ thủ tục tố tụng pháp lý nào để thu hồi nợ; và
- (e) Có các quyền khác, quyền hạn, biện pháp khác phục được phép khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

15.2. Ngay khi Bên Cho Vay có thông báo thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều này thì tất cả các khoản nợ gốc, lãi, phí/chi phí phát sinh (nếu có) hay bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp Đồng này hoặc hợp đồng tín dụng khác giữa Các Bên (nếu có) đều được xem là đến hạn thanh toán. Trong trường hợp này, Bên Vay phải nhanh chóng thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi, lãi quá hạn và các nghĩa vụ thanh toán khác (nếu có) cho Bên Cho Vay trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên Cho Vay gửi văn bản thông báo thu hồi nợ trước hạn cho Bên Vay.

15.3. Nếu Bên Vay không trả nợ trước hạn theo yêu cầu của Bên Cho Vay theo quy định tại Điều này thì khi hết thời hạn yêu cầu, Bên Cho Vay sẽ ngay lập tức chuyển các khoản nợ này thành nợ quá hạn, áp dụng cách tính lãi trên nợ gốc quá hạn (theo Điều 3.3), lãi trên nợ lãi quá hạn (theo Điều 3.4), tiến hành mọi biện pháp xử lý nợ theo các quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 16. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

16.1. Các Bên theo đây đồng ý rằng, Bên Cho Vay sẽ thông báo, thông tin cho Bên Vay các vấn đề liên quan đến Khoản Vay theo Hợp Đồng này, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của Bên Cho Vay đối với Khoản Vay theo Hợp Đồng này thông qua bất kỳ phương thức liên hệ nào, bao gồm nhưng không giới hạn phương thức: (i) gửi văn bản thông báo đến địa chỉ của Bên Vay, hoặc (ii) gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên Vay, hoặc (iii) gửi thư điện tử (email) theo cấu trúc địa chỉ email [AAAAAA@bankofchina.com] đến địa chỉ thư điện tử của Bên Vay, hoặc (iv) thông báo trên website chính thức của Bên Cho Vay (nếu có).

16.2. Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Hợp Đồng này, mọi thông báo và thông tin khác của Bên Vay gửi cho Bên Cho Vay phải được lập bằng văn bản và được gửi bằng (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay người có thẩm quyền của Bên Cho Vay, hoặc (iii) fax, điện tín, điện báo gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên Vay, gửi thư điện tử (email) theo cấu trúc địa chỉ

email [AAAAAA@bankofchina.com] (và bản gốc được gửi bằng đường bưu điện trong vòng 02 (hai) ngày sau đó để xác nhận lại nội dung thông báo đã gửi trước đó) đến tên, địa chỉ của Bên Cho Vay ghi tại phần đầu của Hợp Đồng hoặc địa chỉ đã được Bên Cho Vay thông báo đến Bên Vay.

- 16.3.** Bên Vay cam kết nơi cư trú nêu tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đám là nơi cư trú hợp pháp hiện nay của Bên Vay. Đây là địa chỉ để Bên Cho Vay gửi tất cả các văn bản, thông báo, tài liệu giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này và để cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Bên Vay thực hiện nghĩa vụ của mình với Bên Cho Vay. Bên Vay phải thông báo cho Bên Cho Vay, chính quyền địa phương ngay khi có sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú hoặc nơi cư trú mới. Mọi thông báo và thông tin bao gồm nhưng không giới hạn cập nhật hoặc cung cấp địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số fax và nội dung khác của Bên Vay gửi cho Bên Cho Vay phải được lập bằng văn bản và được Bên Vay ký tên xác nhận. Trường hợp không thông báo thì Bên Cho Vay có quyền gửi thông báo, thông tin đến địa chỉ, số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (email) do Bên Vay đã cung cấp trước đó và mặc nhiên coi như Bên Vay đã nhận được các thông báo, thông tin này, và các thông báo, thông tin này có giá trị ràng buộc đối với Bên Vay.
- 16.4.** Việc gửi văn bản, tài liệu giao dịch có thể được thực hiện thông qua: điện tín, điện báo, fax, thư điện tử, bưu điện hoặc gửi trực tiếp tới bất kỳ cá nhân/người thân nào trong gia đình của Bên Vay.
- 16.5.** Mọi văn bản, tài liệu giao dịch, thông báo được coi là đã nhận vào thời điểm (i) giao thư nếu được gửi trực tiếp, giao tận tay, (ii) truyền tín hiệu nếu được chuyển bằng điện tín, điện báo, fax, thư điện tử, (iii) ngay sau khi bưu điện hoàn thành việc gửi thư. Để chứng minh việc đã gửi thông báo, chỉ cần chứng minh rằng thông báo đã gửi theo đường fax, bằng thư điện tử đến số fax, địa chỉ thư điện tử của Bên nhận hoặc, nếu trong trường hợp gửi thư, chỉ cần chứng minh địa chỉ nhận thư là địa chỉ của Bên nhận.
- 16.6.** Cho mục đích của Hợp Đồng này, Các Bên theo đây đồng ý rằng, Bên Cho Vay có quyền thông báo, thông tin cho Bên Vay bằng cách gửi văn bản, tài liệu giao dịch thông qua bất kỳ các phương tiện liên lạc nào bao gồm cả nhắn tin, gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định, số điện thoại nơi làm việc của người thân của Bên Vay hay gửi email, gửi trực tiếp đến địa chỉ email hoặc địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của người thân của Bên Vay theo thông tin mà Bên Vay cung cấp cho Bên Cho Vay Người thân Bên Vay trong trường hợp này bao gồm ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, anh, chị, em ruột của Bên Vay.

ĐIỀU 17. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 17.1.** Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định pháp luật Việt Nam.
- 17.2.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản của Hợp Đồng này và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán, hòa giải và thương lượng bởi Các Bên. Trong trường hợp không tự giải quyết được, Các Bên thống nhất tranh chấp đó sẽ được giải

quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc Các Bên phải thi hành. Bên thua kiện chịu mọi chi phí, kể cả phí tòa án và phí luật sư.

17.3. Trường hợp Bên Vay vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú mới theo quy định tại Điều 16 Hợp Đồng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh quá sáu (06) tháng mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới cho Bên Cho Vay, thì Bên Vay được xem là che giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm là nơi cư trú cuối cùng của Bên Vay. Bên Cho Vay được quyền yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Bên Vay theo đây chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên Vay.

ĐIỀU 18. CÁC THỎA THUẬN KHÁC

18.1. Chuyển nhượng:

- (a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và không bao gồm hoạt động mua bán nợ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, không Bên nào được chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ của mình, kể cả các Khoản Vay theo Hợp Đồng này ("**Chuyển Nhượng**") cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác ("**Bên Nhận Chuyển Nhượng**") nếu không nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- (b) Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên Vay theo đây đồng ý cho Bên Cho Vay được thực hiện việc Chuyển Nhượng cho Bên Nhận Chuyển Nhượng theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và theo đúng quy định về hoạt động mua bán nợ do Ngân hàng nhà Nước Việt Nam ban hành.
- (c) Việc Chuyển Nhượng theo quy định tại Điều này (nếu có) được thực hiện với điều kiện (i) sau khi việc Chuyển Nhượng có hiệu lực, Bên Nhận Chuyển Nhượng sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng theo Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm và các phụ lục của các hợp đồng này (nếu có), và (ii) việc Chuyển Nhượng sẽ không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên còn lại theo Hợp Đồng này.
- (d) Trường hợp việc Chuyển Nhượng được thực hiện, thì Hợp Đồng này có hiệu lực bắt buộc đối với Bên Nhận Chuyển Nhượng, bên kế nhiệm hoặc bên nhận chuyển giao được phép tương ứng của Các Bên trong Hợp Đồng này và Bên Nhận Chuyển Nhượng, bên kế nhiệm hoặc bên nhận chuyển giao được phép đó được hưởng các lợi ích và có các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này.

18.2. Bên Vay chịu mọi chi phí liên quan đến soạn thảo, ký kết và thực hiện Hợp Đồng này bao gồm chi phí luật sư, kể cả tạm ứng các chi phí phát sinh khi có tranh chấp.

18.3. Việc Bên Cho Vay trì hoãn, bỏ qua không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ thỏa thuận nào bằng văn bản giữa Các Bên (nếu có) sẽ không được xem là sự từ bỏ các quyền đó. Việc từ bỏ quyền tại một điều khoản không có nghĩa là từ

bỏ quyền ở các điều khoản khác trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc một Bên thực hiện một lần, một phần hay từ bỏ quyền, quyền hạn hay đặc quyền nào, không có nghĩa là Bên đó sẽ không thực thi quyền, quyền hạn, đặc quyền đó trong tương lai. Quyền và chế tài quy định trong Hợp Đồng này là cộng thêm và không loại bỏ quyền và chế tài khác mà pháp luật quy định. Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố vô hiệu, hoặc trái quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thể thi hành vì bất kỳ lý do gì đều cũng không làm ảnh hưởng đến hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của điều khoản còn lại của Hợp Đồng này và không làm vô hiệu toàn bộ Hợp Đồng, trừ trường hợp Hợp Đồng không thể thực hiện nếu thiếu điều khoản đó. Các Bên sẽ thay thế điều khoản vô hiệu này bằng một điều khoản có hiệu lực phù hợp với tinh thần và mục đích của Hợp Đồng này, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Các Bên.

- 18.4.** Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng của Hợp Đồng này là đồng Việt Nam (VNĐ). Bên Vay nhận nợ Khoản Vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, phí/chi phí phát sinh (nếu có) bằng loại tiền đó.
- 18.5.** Hợp Đồng này cùng các Phụ lục đính kèm, bao gồm nhưng không giới hạn, Điều kiện tiên quyết, Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay (đồng thời là Giấy nhận nợ), Lịch trả nợ dự kiến, Hợp Đồng Bảo Đảm và các phụ lục của Hợp Đồng Bảo Đảm đó (nếu có) là các tài liệu không tách rời của Hợp Đồng này và tạo thành toàn bộ thỏa thuận của Các Bên. Trừ khi Hợp Đồng có quy định khác, mọi bổ sung, sửa đổi phải do Các Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
- 18.6.** Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được thanh lý khi Bên Vay đã trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh, tất cả các nghĩa vụ khác (nếu có) theo Hợp Đồng này.
- 18.7.** Hợp Đồng được lập thành ba (03) bộ có giá trị pháp lý như nhau. Bên Cho Vay giữ hai (02) bộ và Bên Vay giữ một (01) bộ.
- 18.8.** Các Bên xác nhận đã đọc, hiểu rõ và cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận tại Hợp Đồng này và các quy định khác của Bên Cho Vay liên quan đến hoạt động cho vay và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, đại diện được ủy quyền hợp lệ của Các Bên đã ký Hợp Đồng vào ngày tháng năm được ghi ở phần đầu của Hợp Đồng này.

BÊN VAY

(ký và ghi rõ họ tên)

BÊN CHO VAY

PHỤ LỤC 1 - ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT

(Đính kèm Hợp đồng tín dụng số .../BOC-HĐTD-CN)

Bên Vay và Bên thứ ba bảo đảm (nếu có) phải cung cấp cho Bên Cho Vay các tài liệu sau đây:

I. ĐỐI VỚI HỒ SƠ TÍN DỤNG:

1. Các tài liệu về nhân thân của Bên Vay, tùy từng trường hợp, bao gồm nhưng không giới hạn : (Bản sao được chứng thực hợp pháp)
 - a. Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu;
 - b. Hộ khẩu thường trú/Sổ tạm trú dài hạn – KT3 (nếu có); và
 - c. Giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.
 - d. Các Hợp đồng ủy quyền (nếu có);
2. Tài liệu chứng minh mục đích sử dụng Khoản Vay của Bên Vay: Hóa đơn, phiếu báo giá, hợp đồng mua bán, bảng dự toán chi phí, ... (Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực hợp pháp)
3. Phương án sử dụng vốn (trừ trường hợp vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống)
4. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Bên Vay: (Bản sao được chứng thực hợp pháp)
 - a. Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm/tiếp nhận; và
 - b. Sao kê/sổ phụ tài khoản nhận lương hoặc xác nhận lương, phiếu chi lương của ... tháng gần nhất; và
 - c. Các chứng từ chứng minh các nguồn thu nhập khác, nguồn tài sản khác để trả nợ (nếu có)

II. ĐỐI VỚI HỒ SƠ TÀI SẢN BẢO ĐẢM (NẾU BỔ SUNG TÀI SẢN BẢO ĐẢM):

1. Các tài liệu về nhân thân hoặc pháp lý của Bên thứ ba bảo đảm, tùy từng trường hợp, bao gồm nhưng không giới hạn: (Bản sao được chứng thực hợp pháp)
 - a. Nếu Bên thứ ba bảo đảm là cá nhân thì áp dụng tương tự như mục 1 phần I của Phụ lục này;
 - b. Nếu Bên thứ ba bảo đảm là tổ chức:
 - (i). Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - (ii). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương;
 - (iii). Điều lệ tổ chức và hoạt động;
 - (iv). Quyết định bổ nhiệm chức danh của người đại diện theo pháp luật;
 - (v). Các văn bản ủy quyền trong việc giao kết, thực hiện hợp đồng bảo đảm; và
 - (vi). Các văn bản khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức.

2. Nghị quyết hoặc Quyết định hoặc Biên bản họp của cấp có thẩm quyền của tổ chức cho phép giao kết, thực hiện Hợp đồng bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và điều lệ tổ của tổ chức đó trong trường Bên thứ ba bảo đảm là tổ chức;
3. Bản gốc Bản gốc Hợp Đồng Bảo Đảm (đã được công chứng nếu quy định pháp luật bắt buộc phải công chứng) hoặc các văn bản có giá trị pháp lý tương đương phù hợp quy định pháp luật về bảo đảm;
4. Bản gốc Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm (đã được Bên Vay hoặc Bên thứ ba bảo đảm ký tên, đóng dấu đầy đủ theo quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm);
5. Bản gốc các Hợp đồng ủy quyền (nếu có);
6. Bản gốc các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với Tài Sản Bảo Đảm:
 - a. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (nếu Tài sản Bảo Đảm là bất động sản);
 - b. Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản (nếu Tài Sản Bảo Đảm là động sản phải đăng ký quyền sở hữu);
 - c. Sổ tiết kiệm hoặc văn bản xác nhận số dư đối với tài khoản tiền gửi kèm theo văn bản thỏa thuận phong tỏa tài khoản của tổ chức tín dụng nơi phát hành;
 - d. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, trái phiếu, giấy tờ có giá khác kèm theo xác nhận phong tỏa của tổ chức phát hành hoặc tổ chức lưu ký trong trường hợp tài sản bảo đảm là chứng khoán, giấy tờ có giá;
 - e. Thư bảo lãnh và các văn bản có giá trị tương đương trong trường hợp biện pháp bảo đảm là bảo lãnh kèm theo văn bản xác nhận năng lực tài sản hoặc tài chính của bên bảo lãnh (nếu bên bảo lãnh không phải là tổ chức tín dụng);
 - f. Các giấy tờ khác có giá trị tương tự thể hiện quyền sở hữu Tài Sản Bảo Đảm của Bên Vay;
7. Bản gốc văn bản thể hiện nội dung Tài Sản Bảo Đảm này đã được xóa đăng ký giao dịch bảo đảm, hoặc chấm dứt phong tỏa, ngăn chặn, kê biên của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
8. Biên bản thỏa thuận giá trị Tài Sản Bảo Đảm hoặc Báo cáo thẩm định Tài Sản Bảo Đảm;
9. Bản gốc giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hay hợp đồng bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm (kèm theo bản sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp bảo hiểm nếu có);
10. Xác nhận đã thanh toán các loại phí, chi phí theo cam kết tại Hợp Đồng này, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản cam kết khác; và
11. Các tài liệu khác mà Bên Cho Vay cho là cần thiết tùy từng thời điểm áp dụng.

PHỤ LỤC 2 – ĐƠN ĐỀ NGHỊ RÚT KHOẢN VAY

...../BOC-HĐTD-CN

(đồng thời là GIẤY NHẬN NỢ đính kèm Hợp đồng tín dụng số .../BOC-HĐTD-CN)

Ngày: ___/___/_____

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số/BOC-HĐTD-CN được ký kết ngày (“**Hợp Đồng**”)

Nay (chúng) tôi, (những) người ký tên dưới đây, muốn nhận Khoản Vay như đã được đề cập trong Hợp Đồng và theo đây yêu cầu được rút Khoản Vay đồng thời nhận nợ Khoản Vay này với các nội dung sau:

BÊN VAY : Ông

Chứng minh nhân dân số :cấp ngày tại

Địa chỉ thường trú :

Điện thoạiEmail:.....

Bà

Chứng minh nhân dân số :cấp ngày tại

Địa chỉ thường trú :

Điện thoạiEmail:.....

BÊN CHO VAY : **BANK OF CHINA – HOCHIMINH CITY BRANCH**

Giấy phép hoạt động chi nhánh Ngân hàng nước ngoài số : 21/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 7 năm 1995

Địa chỉ : Tầng trệt và tầng 11, Tòa nhà Times Square, 22-36 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại :

Người đại diện :

Chức vụ :

Nội dung đề nghị rút Khoản Vay đồng thời nhận nợ Khoản vay bao gồm:

1. Ngày rút Khoản Vay: ___/___/_____

2. Ngày Đáo Hạn Khoản Vay:

3. Khoản Vay đề nghị được rút:
Số tiền bằng số: VNĐ
Số tiền bằng chữ: **đồng Việt Nam**
4. Tài khoản nhận Khoản Vay:
 - i. Tên chủ tài khoản:
 - ii. Số tài khoản:
 - iii. Mở tại ngân hàng:
5. Lãi suất tại thời điểm rút Khoản Vay: / **1 năm** (trên cơ sở một năm là 360 ngày)
Hoặc tương đương lãi suất/ **1 năm** (trên cơ sở một năm là 365 ngày)
6. Phương thức hoàn trả Khoản Vay và lãi:
Khoản Vay gốc và lãi được chuyển vào tài khoản thanh toán của Bên Vay mở tại Bên Cho Vay vào ngày làm việc liền trước của Ngày Định Kỳ Thanh Toán.
7. Đơn Đề Nghị Rút Khoản Vay đồng thời là Giấy nhận nợ này là một văn bản không huỷ ngang và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng nêu trên.

Các điều khoản được nêu trong văn bản này được hiểu tương tự như trong Hợp Đồng nêu trên.

Bên Vay theo đây xác nhận rằng mỗi điều kiện quy định tại Hợp Đồng, Phụ lục số 1 - Điều kiện tiên quyết của Hợp Đồng đã được đáp ứng vào ngày lập văn bản này.

Trân trọng.

Bên đề nghị

(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3 – BẢNG KÊ LỊCH TRẢ NỢ DỰ KIẾN

(Đính kèm Hợp đồng tín dụng số .../BOC-HĐTD-CN)

Bên Vay cam kết trả nợ gốc, lãi theo lịch trả nợ như sau:

Ngày Giải Ngân:

Ngày Đáo Hạn:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Kỳ Thanh Toán	Ngày Định Kỳ Thanh Toán	Số tiền gốc	Số tiền lãi	Tổng cộng
Kỳ 1				
Kỳ 2				
...				

Nội dung của lịch trả nợ trên đây có thể được thay đổi, điều chỉnh theo quyết định của Bên Cho Vay và/hoặc kế hoạch, tiến độ thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Bên Vay phù hợp nội dung thỏa thuận tại Hợp Đồng và quy định pháp luật Việt Nam.

BÊN VAY
(ký, ghi rõ họ tên)

BÊN CHO VAY
(ký tên, đóng dấu)